

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước.

2. Ông Phạm Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ông Lý T, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

– *Bị đơn:* Bà Thạch Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lý T trình bày: Ông T và bà Thạch Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 23/3/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Từ cuối năm 2018 bà H đi đâu không rõ, gia đình đã tìm kiếm nhưng không liên lạc được. Ông Thel đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích và tại Quyết định số 04/2024/QĐST-DS ngày 08/4/2024 Tòa án nhân dân thành phố S đã chấp nhận yêu cầu của ông Lý T, tuyên bố bà Thạch Thị H mất tích. Thời kỳ hôn nhân ông T và bà H có 01 người con chung tên Lý Minh V, sinh ngày 09/12/2015 hiện nay đang chung sống với ông T. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông T yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân, ông T yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Minh V, sinh ngày 09/12/2015 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Thạch Thị H, nhưng bà H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như không tham phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bà Thạch Thị H, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông Lý T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý T, nhận thấy ông T và bà H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 23/3/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Từ cuối năm 2018 bà H đi đâu không rõ, gia đình tìm kiếm nhưng không liên lạc được. Ông T đã yêu cầu Toà án tuyên bố bà H mất tích và tại Quyết định số 04/2024/QĐST-DS, ngày 08/4/2024 Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã chấp nhận yêu cầu của ông Lý T, tuyên bố bà Thạch Thị H mất tích. Nay ông T có nguyện vọng được ly hôn với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên ông T nghĩ lại, nhưng ông T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà H có 01 người con chung tên Lý Minh V, sinh ngày 09/12/2015, hiện nay đang chung sống với ông T. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung là Lý Minh V hiện

đang chung sống với ông T, để đảm bảo cho môi trường sống của cháu V không bị xáo trộn, để cháu phát triển toàn diện về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao con chung Lý Minh V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Ông Lý Thel phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý T được ly hôn với bà Thạch Thị H.

- Về con chung: Giao con chung là Lý Minh V, sinh ngày 09/12/2015 cho ông Lý T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Lý Minh V đủ 18 tuổi. Bà Thạch Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con là Lý Minh V.

Bà Thạch Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Lý T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Lý T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Lý T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008768, ngày 27/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Lý T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm.

Bà Thạch Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng TT, KT&THA);
- Đương sự;
- VKSND TPST;
- UBND Phường D, TPST, tỉnh ST
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh